

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Mạnh Tường  
Đỗ Huy Cảnh

*Tóm tắt: Kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm nói riêng đã có bước phát triển vượt bậc về số lượng, quy mô, trình độ, công nghệ, giá trị gia tăng... Kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, khơi dậy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên, kinh tế tư nhân trong công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp của Gia Lâm nói chung quy mô còn nhỏ, chất lượng hàng hóa thấp, thị trường hạn hẹp. Từ những nhận định trên, bài viết đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển của thành phần này trong lĩnh vực công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp ở Gia Lâm trong thời gian tới.*

*Từ khóa: Kinh tế tư nhân, công nghiệp; tiêu thủ công nghiệp; huyện Gia Lâm.*

## Đặt vấn đề

Kinh tế tư nhân (KTTN) được hiểu là một loại hình kinh tế dựa trên sở hữu chủ yếu của tư nhân về các yếu tố sản xuất và kinh doanh. Người làm KTTN hoàn toàn tự chủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình trước pháp luật.

KTTN còn được hiểu là kinh tế của khu vực ngoài nhà nước, bao gồm các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó tư nhân chiếm trên 50% vốn đầu tư, và kinh tế cá thể, tiểu chủ hoạt động dưới hình thức hộ cá thể. Vậy có thể hiểu, KTTN là loại hình kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, trong đó các chủ thể của nó tự tiến hành sản xuất, kinh doanh vì lợi ích trực tiếp của cá nhân dù có thuê hay không thuê mướn lao động.

Từ khi thực hiện chủ trương đổi mới đến nay, KTTN nói riêng đã không ngừng lớn mạnh và ngày càng khẳng định được vai trò, vị trí cũng như đóng góp của mình đối với sự

phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên địa bàn huyện Gia Lâm, KTTN đã từng bước khẳng định được vai trò, vị trí, đóng góp của mình trong đời sống xã hội, tạo sự cạnh tranh, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, từng bước đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hoàn thiện từng bước cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương. Có được kết quả đó, bởi Gia Lâm là huyện có lợi thế về điều kiện tự nhiên, là cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô, có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng nối liền với cả nước. Bên cạnh đó, Gia Lâm còn là nơi tập trung nhiều làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng cả nước, như Bát Tràng, Kim Lan (gốm sứ); Kiều Kỵ (sản xuất quỳ vàng bạc); Ninh Hiệp (sản xuất thuốc Nam),... cùng với các cụm công nghiệp đang hoạt động như Ninh Hiệp, Phú Thụy, Bát Tràng, Hapro, góp phần đem lại sự tăng trưởng mạnh mẽ cho công nghiệp và tiêu thủ công nghiệp (CN và TTCN).

Trong thời gia qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về KTTN trên địa bàn Hà Nội nói chung và huyện Gia Lâm nói riêng, tiêu biểu như Nguyễn Minh Phong (2004), Nguyễn Tri Dĩnh (2010), Esther Horat (2014),... Các công trình trên đã khái quát quá trình phát triển KTTN trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong đó có huyện Gia Lâm. Tuy nhiên, chúng chưa đi sâu điều tra, so sánh, đánh giá quá trình phát triển KTTN trên địa bàn các huyện, cụ thể là huyện Gia Lâm. Chính vì vậy, bài viết này góp phần làm sáng tỏ thêm về bức tranh về KTTN trong CN và TTCN ở Gia Lâm; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển trong những năm tới.

### 1. Mục tiêu, phương pháp nghiên cứu

Từ những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, bài viết kế thừa những cơ sở khoa học, lý luận, lý thuyết; đồng thời tập trung vào nghiên cứu những nội dung như sự phát triển về số lượng, quy mô, giá trị sản xuất,... của KTTN để thấy được sự đóng góp,

hạn chế và rút ra giải pháp thúc đẩy KTTN trong lĩnh vực CN và TTCN của Gia Lâm. Nhằm tìm hiểu thực trạng vấn đề, nhóm tác giả đã sử dụng dữ liệu thống kê của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gia Lâm và Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm từ năm 2010 đến năm 2016; đồng thời, thu thập dữ liệu sơ cấp để chứng minh và làm rõ hơn một số kết quả và kết luận nghiên cứu thông qua phiếu khảo sát.

Đối tượng khảo sát của nhóm nghiên cứu là người chủ tại các cơ sở, doanh nghiệp tại huyện Gia Lâm (hộ cá thể, tiểu chủ và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân). Kích thước mẫu dự kiến ban đầu là 200 mẫu, tuy nhiên trong quá trình khảo sát chỉ thu được 167 mẫu đạt yêu cầu, do vậy nhóm tác giả tập trung vào xử lý 167 mẫu nghiên cứu.

### 2. Thực trạng phát triển của kinh tế tư nhân trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Gia Lâm

#### 2.1. Phát triển về số lượng

**Bảng 1: CÁC LOẠI HÌNH KINH TẾ TƯ NHÂN CÔNG NGHIỆP VÀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP Ở GIA LÂM 2010-2016**

*Đơn vị tính: Cơ sở*

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Hộ cá thể	2.207	2.216	2.186	2.216	2.238	2.075	2.312
Doanh nghiệp của tư nhân	256	298	362	364	477	510	561

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Gia Lâm (2010-2016).*

Số lượng các cơ sở đã có sự gia tăng trong những năm gần đây, đặc biệt là các doanh nghiệp. KTTN cũng phát triển mạnh ở hộ cá thể (HCT), bởi Gia Lâm là huyện có nhiều làng nghề thủ công truyền thống như gốm sứ ở Bát Tràng, Kim Lan; may da, làm quỳ vàng bạc ở Kiều Kỳ; sản xuất diêm ở Đình Xuyên;

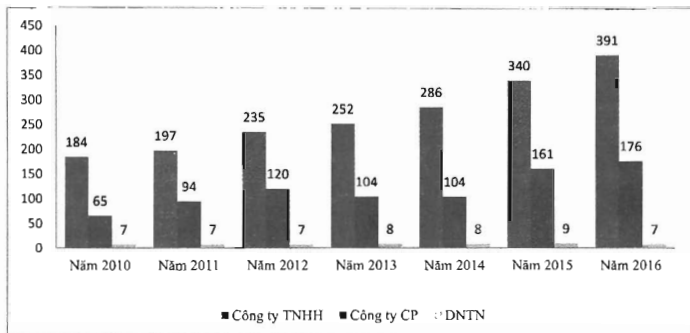
chế biến gỗ ở Dương Hà, Yên Thường; chế biến dược liệu ở Ninh Hiệp,... Ngoài ra, có thể kể tới một số nghề mới xuất hiện và phát triển mạnh như chế biến gỗ (gỗ dán, gỗ ép); gia công sắt, thép ở các xã Yên Viên, Yên Thường; nghề may gia công ở khu vực các xã Đặng Xá, Kim Sơn, Lệ Chi, Ninh Hiệp, Dương Quang...

Riêng cụm công nghiệp Bát Tràng số dự án đăng ký kinh doanh là 117 dự án, trong đó có 81 hộ, DN đã đầu tư xây dựng (tỷ lệ đạt 69,2%); 13 hộ, DN đang xây dựng (11,1%); 23 hộ, DN chưa xây dựng (19,7%); số hộ, doanh nghiệp hiện đang hoạt động là 81 (70%); số hộ, DN chưa hoạt động là 36 (30%), số lượng lao động thường xuyên làm việc khoảng 330 người (UBND huyện Gia Lâm, 2016).

Trong các loại hình doanh nghiệp, số lượng công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) chiếm tỷ lệ lớn nhất, tiếp đến là công ty cổ phần, còn lại là doanh nghiệp tư nhân (DNTN). Những ngành nghề mà các loại hình doanh nghiệp phát triển trên địa bàn tập trung gồm sản xuất vải bạt, sản xuất giấy, sản xuất quần áo, gốm sứ, làm quỳ vàng bạc, may đồ giả da... (Hình 1).

**Hình 1: SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA LÂM 2010-2016**

*Đơn vị tính: Số doanh nghiệp*



*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Gia Lâm (2010-2016).*

## 2.2. Phát triển về quy mô

*Về nguồn vốn:* Theo Bảng 2, số quy mô vốn nhỏ chủ yếu tập trung vào các hộ cá thể, tiểu chủ (dưới 1 tỷ đồng), còn lại tập trung vào các loại hình doanh nghiệp của tư nhân. Tuy nhiên, số loại hình và số vốn đã luôn có sự dịch chuyển tích cực, từ hộ cá thể, tiểu chủ chuyển lên công ty TNHH vẫn chiếm số lượng lớn nhất, tiêu biểu tại xã Bát Tràng, Kiều Kỵ, Ninh Hiệp, Dương Xá, bởi nơi đây tập trung nhiều làng nghề truyền thống và có vị trí giao

thông thuận lợi. Tuy nhiên các doanh nghiệp trên địa bàn các xã này thường kết hợp sản xuất với thương mại, dịch vụ, dẫn tới sự tích tụ vốn cũng từng bước được mở rộng. Tính đến tháng 12/2016 đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp có số vốn trên 20 tỷ đồng như Nhựa Tú Phương, Giấy Ngọc Hà, Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Ladoda,... Các doanh nghiệp này đã tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, góp phần thúc đẩy CN và TTCN Gia Lâm phát triển mạnh.

**Bảng 2: SỐ VỐN CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM TỈNH ĐẾN THÁNG 12/2016**

Thời điểm	Dưới 1 tỷ		Từ 1 đến 5 tỷ		Từ 5 đến 10 tỷ		Từ 10 đến 20 tỷ		Trên 20 tỷ	
	CS	%	CS	%	CS	%	CS	%	CS	%
Thời điểm mới thành lập	77	46	57	34	27	10	6	3,6	0	
12/2016	46	27	65	38	39	23	13	7,8	4	2,4

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2018).*

**Về lao động:** Theo Bảng 3, số lao động của khu vực KTTN trên địa bàn huyện cũng có sự dịch chuyển tích cực cùng với sự tích lũy vốn của khu vực này, từ hộ cá thể sử dụng ít lao động sang các loại hình công ty trong đó nhiều nhất là công ty TNHH. Số lao động này tập trung ở các làng nghề truyền thống và tại 5 khu công nghiệp tập trung (Phù Thủy, Bát Tràng, Đình Xuyên, Ninh Hiệp, Hapro). Trong

đó số lao động ít (dưới 9 lao động) chủ yếu nằm ở hộ cá thể, tiểu chủ, còn các loại hình doanh nghiệp có số lao động lớn hơn, tiêu biểu công ty TNHH sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Ladoda, công ty giấy Ngọc Hà, công ty may Nam Sơn, công ty nhựa Tú Phương có trên 300 lao động tập trung, chưa kể lao động thời vụ.

**Bảng 3: SỐ LAO ĐỘNG CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM NĂM 2016**

*Đơn vị tính: Cơ sở*

Thời điểm	Ít hơn 5 lao động	Từ 5 đến 9 lao động	Từ 10 đến 49 lao động	Từ 50 đến 299 lao động	Trên 300 lao động
Thời điểm thành lập	51	68	47	1	
12/2016	39	50	61	13	4

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2018).*

Bảng 4 cho thấy, những năm 2010, 2011, 2012, số việc làm được tạo ra có giảm do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nên các cơ sở công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn cắt

giảm lao động. Từ năm 2014 đến 2016, số lao động được tạo ra lại tăng nhanh so với những năm trước (lên 19.590 lao động), cho thấy sự phục hồi và mở rộng sản xuất của CN và TTCN tư nhân trên địa bàn huyện.

**Bảng 4: SỐ VIỆC LÀM CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỤ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM 2010-2016**

Đơn vị tính: Người

Loại hình/Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Công ty TNHH	4.068	3.017	3.481	4.065	4.254	5.378	6.001
Công ty cổ phần	1.483	1.104	1.425	1.901	2.161	3.035	3.412
Doanh nghiệp TN	171	76	64	107	124	90	121
Hộ cá thể, tiểu chủ	8.632	9.106	8.955	9.150	9.284	9.320	10.056
<b>Tổng số</b>	<b>14.354</b>	<b>13.303</b>	<b>13.925</b>	<b>15.223</b>	<b>15.823</b>	<b>17.823</b>	<b>19.590</b>

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Gia Lâm (2010-2016).

### 2.3. Trình độ của các chủ lao động

Kết quả khảo sát đối với các chủ doanh nghiệp làm CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm cho thấy trình độ đào tạo của các chủ lao động như sau: Đào tạo dài hạn 21 người (12,6%), ngắn hạn 101 người (60,5%), tốt nghiệp phổ thông 45 người (26,9%). Như vậy, số lượng chủ doanh nghiệp đã được đào tạo

qua trường lớp chiếm 73,1%, trình độ trung học chỉ còn 26,9%. Điều đó cho thấy trình độ các chủ doanh nghiệp đã từng bước được nâng cao, cả ở cấp độ đại học và trên đại học, góp phần sản xuất ra các mặt hàng có giá trị gia tăng cao như gốm sứ, quý vàng bạc, may mặc...

**Bảng 5: TRÌNH ĐỘ CỦA CÁC CHỦ KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỤ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM NĂM 2016**

Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
Qua đào tạo dài hạn	21	12,6
Qua đào tạo ngắn hạn	101	60,5
Tốt nghiệp trung học	45	26,9

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả (2018).

Bảng 6 cho thấy, trình độ người lao động trong lĩnh vực CN và TTCN của địa phương cũng được nâng cao hơn. Bởi các doanh nghiệp cũng như chính quyền địa phương đã có sự quan tâm đầu tư để nâng cao chất lượng người lao động bằng việc ký các cam kết giữa

Trung tâm Đào tạo nghề của huyện với các cơ sở CN và TTCN trên địa bàn huyện. Đồng thời, việc các cơ sở tuyển dụng lao động ngày càng đòi hỏi người lao động có trình độ trước khi nộp hồ sơ đã buộc người lao động phải nâng cao tay nghề trước khi được tuyển dụng.

**Bảng 6: TRÌNH ĐỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM 2010-2016**

Trình độ	Cơ sở	Năm 2010		Năm 2016	
		Lao động được đào tạo	Tổng số	Lao động được đào tạo	Tổng số
Hộ cá thể	107	2.315	5.692	6.891	7.721
Các loại hình Doanh nghiệp	60	3.901	6.093	8.609	10.531
Tổng hợp	167	6.216	11.785	15.500	18.252

*Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả (2018).*

#### 2.4. Khả năng tiếp cận thị trường

Trong những năm gần đây, KTTN huyện Gia Lâm đã có những bước phát triển nhanh chóng, không ngừng lớn mạnh về quy mô, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Khả năng mở rộng và phát triển ra thị trường tập trung nhiều nhất là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm cơ khí, gốm sứ, thiết bị điện, chế biến thực phẩm, dệt,... và tập trung tại 3 khu công nghiệp và làng nghề như Ninh Hiệp, Phú Thị và Bát Tràng; tiếp đến là khai thác cát sỏi, sản xuất nước sạch, xử lý rác thải.

Ngoài ra, thị trường tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở công nghiệp trên địa bàn Gia Lâm

chủ yếu là ở trong nước. Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 78% các cơ sở bán hàng ở thị trường trong nước; chỉ có 22% vừa bán trong nước và xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài. Tuy nhiên, để khuyến khích tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn phát triển đòi hỏi phải xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu. Đến năm 2016 tại Bát Tràng có khoảng 58%, Kiều Kỵ có 39%, Ninh Hiệp có 33% cơ sở có website phục vụ cho quảng cáo và bán sản phẩm (Nhóm tác giả, 2018).

#### 2.5. Giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp tư nhân tạo ra trên địa bàn huyện

**Bảng 7: GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM GIAI ĐOẠN 2010-2016**

*Đơn vị tính: triệu đồng (giá hiện hành)*

	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Công ty TNHH	1 184.822	1.435.845	1.477.633	1.815.695	1.693.712	1.836.085	1.845.721
Công ty CP	506.860	938.394	1.004.747	1.311.480	1.988.395	2 178.234	2.531.002
DNTN	40.597	58.650	64.516	100.720	78.067	85.680	102.014
HCT	331.134	367.488	383.252	434.936	549.486	605.350	702.901
Tổng số	2.063.413	2.800.377	2.930 148	3.662.831	4.309.660	4.705.349	5.181.638

*Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm (2010-2016).*

Bảng 7 cho thấy, giá trị sản xuất CN và TTCN của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện Gia Lâm đã có sự gia tăng đáng kể. Từ năm 2010 đến năm 2016 tăng 40%, góp phần đóng góp mạnh mẽ vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập và mức sống của nhân dân. Tuy nhiên, giá trị đóng góp lớn nhất lại thuộc về công ty cổ phần, công ty TNHH,

doanh nghiệp tư nhân, cuối cùng là bộ cá thể, tiểu chủ. Điều này cho thấy sự không tương xứng giữa số lượng (hộ cá thể và công ty TNHH) so với mức đóng góp của hai loại hình kinh tế này, tuy số lượng nhiều nhưng giá trị thấp bởi những sản phẩm lao động thủ công, cũng như quy mô nhỏ.

**Bảng 8: KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA LÂM NĂM 2016**

TT	Làng nghề	Cơ sở SX		Doanh Thu (Triệu đồng)	Thuế nộp (Triệu đồng)
		Hộ	DN		
1	Bát Tràng	603	121	397.105	4.534
2	Kim Lan	415	65	950	45.8
3	Kiều Kỵ	321	99	393.280	6.110
4	Ninh Hiệp	553	49	751.410	21.526
5	Đình Xuyên	112	25	190.097	1.100
	Tổng số	2.004	359	1.732.842	33.315,8

*Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm (2016).*

Doanh thu và số thuế đóng góp cho Nhà nước ở các làng nghề chủ yếu tập trung vào các loại hình doanh nghiệp. Trong số đó, hai làng nghề có mức nộp thuế cao nhất là Ninh Hiệp và Kiều Kỵ.

**3. Đánh giá chung về phát triển kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm**

### **3.1. Những kết quả đạt được**

*3.1.1. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện Gia Lâm*

KTTN nói chung và KTTN trong CN và TTCN huyện Gia Lâm nói riêng đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa

bàn theo hướng hiện đại. Do sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp, làng nghề nên cơ cấu kinh tế của Gia Lâm tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2010, công nghiệp chiếm 44,3%, thương mại - dịch vụ chiếm 29%, nông nghiệp chiếm 26,7%; đến năm 2016, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 46,1%, thương mại - dịch vụ 39,5%; nông nghiệp còn 14,4%.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, đồng nghĩa với việc KTTN trong CN và TTCN của huyện đã tạo ra một số lượng hàng hóa lớn cho xã hội, cũng như tác động mạnh mẽ đến việc phân bổ lại lao động trong khu vực.

*3.1.2 Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và tăng thu nhập cho người lao động*

KTTN trong CN và TTCN đã có đóng góp tích cực trong tạo việc làm, giai đoạn 2005-2010 giải quyết được 21.261/67.012 và giai đoạn 2010-2016 giải quyết được 41.029/97.789 việc làm của toàn bộ khu vực tư nhân; (Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm, 2010-2016).

Đồng thời, KTTN trong CN và TTCN Gia Lâm cùng với các lĩnh vực khác đã tích cực đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn. Đến tháng 12 năm 2001, số hộ nghèo giảm xuống dưới 1%, toàn huyện, chỉ còn 789 hộ với 2.476 nhân khẩu (theo tiêu chí năm 1999), và không có hộ nghèo mới phát sinh (Ban chấp hành Đảng bộ huyện Gia Lâm, 2015). Sang giai đoạn 2010-2016, số hộ nghèo giảm xuống còn 504 hộ với 1,415 nhân khẩu (Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm, 2010-2016).

Ngoài ra, KTTN nói chung đã góp phần tích cực vào nâng cao thu nhập cho người lao động. Năm 2003 thu nhập bình quân của khu vực KTTN đạt 1,75 triệu đồng, năm 2010 đạt 4,1 triệu đồng, năm 2016 tăng lên 5,2 triệu đồng. Thu nhập bình quân/dầu người năm 1991 đạt 890 nghìn đồng, đến năm 2016 đạt 32,7 triệu đồng/năm. Đối với KTTN trong lĩnh vực CN và TTCN, số liệu của các cơ sở được khảo sát giai đoạn 2010-2016 cho thấy, thu nhập bình quân tháng của người lao động từ 1-5 triệu đồng năm 2010 có 32/167 cơ sở; đến năm 2016 còn 11/167 cơ sở. Số cơ sở có con số nêu trên từ 10 triệu đồng trở lên năm 2010 có 35/167; đến năm 2016 lên 88/167 cơ sở.

*3.1.3. Khởi dậy được tiềm năng sản xuất của nhân dân địa phương*

Với điều kiện tự nhiên nằm ở cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, Gia Lâm tập trung nhiều làng nghề thủ công nghiệp truyền thống

như Bát Tràng, Kiều Ky, Ninh Hiệp, Đình Xuyên... Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, cùng với cả nước KTTN Gia Lâm đã không ngừng lớn mạnh, sự lớn mạnh này đã từng bước khơi dậy được tiềm năng của địa phương, ngoài các ngành nghề truyền thống, Gia Lâm đã hình thành nhiều khu công nghiệp vừa và nhỏ như Bát Tràng, Kiều Ky, Ninh Hiệp, Đình Xuyên... cùng với nhiều ngành nghề mới ra đời. Điều này góp phần chuyển mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, khai thác được trí lực và vật lực của nhân dân nơi đây, từng bước đưa Gia Lâm phát triển nhanh trên con đường đô thị hóa, hiện đại hóa.

*3.1.4. Từng bước hình thành những doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu*

Quá trình phát triển KTTN nói chung và trong lĩnh vực CN và TTCN nói riêng trên địa bàn huyện Gia Lâm đã làm xuất hiện nhiều người sản xuất, kinh doanh giỏi, nổi bật có ông Đinh Quang Bảo, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Ladoda (Kiều Ky); bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Công ty may Nam Sơn (Đặng Xá); ông Lương Văn Công, Công ty cổ phần gốm sứ Thành Công... Những tấm gương đó đã chứng minh chủ trương khuyến khích phát triển KTTN của Nhà nước là phù hợp với thực tiễn Việt Nam, trong đó có huyện Gia Lâm.

*3.2. Một số hạn chế của kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm*

*3.2.1. Quy mô nhỏ, vốn ít*

KTTN nói chung và KTTN trong lĩnh vực CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm nói riêng phần lớn quy mô nhỏ, vốn ít. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến quy mô nhỏ là do thiếu vốn và chưa mở rộng được thị trường. Qua khảo sát, các cơ sở của tư nhân trong CN và TTCN đều



phải vay ở thị trường không chính thức với lãi suất cao và thời gian ngắn, rất khó tiếp cận các

nguồn vốn tín dụng của ngân hàng, nhất là nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước.

**Bảng 9: KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN VAY NGÂN HÀNG CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN GIA LÂM NĂM 2016**

Mức độ	Số người	Tỷ lệ %
Dễ dàng	15	8,9
Trung bình	31	18,6
Khó khăn	89	53,2
Ý kiến khác	32	19,1

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả (2018).*

Việc tiếp cận được với nguồn tín dụng các ngân hàng còn rất khó khăn. Vốn đầu tư của các cơ sở CN và TTCN của Gia Lâm chủ yếu từ gia đình, bạn bè, chiếm tới 71%, còn vay ngân hàng chỉ chiếm 11%, thị trường tự do chiếm 29%. Các cơ sở sản xuất trên địa bàn chủ yếu là HCT, chưa đủ tư cách pháp nhân để

vay được vốn ngân hàng hoặc phải vay thông qua thế chấp tài sản (đất đai) để tiến hành sản xuất. Điều đó gây cản trở KTTN trong CN và TTCN mở rộng sản xuất và tăng giá trị sản phẩm. Đồng thời, chưa có sự hỗ trợ tích cực của một hiệp hội, ngành nghề nào.

**Bảng 10: NGUỒN VỐN ĐƯỢC HUY ĐỘNG CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP GIA LÂM NĂM 2016**

Vốn	Số người	Tỷ lệ %
Từ gia đình	87	52,1
Bạn bè	32	19,2
Ngân hàng	19	11,4
Thị trường tự do	29	17,3

*Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu (2018).*

3.2.2. Trình độ người lao động, khoa học kỹ thuật, chất lượng hàng hóa thấp

KTTN trong CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm phát triển tương đối mạnh mẽ trong thời gian qua. Tuy nhiên, do trình độ người lao động và công nghệ, thiết bị lạc hậu nên hàng hóa làm ra khó cạnh tranh được trên thị trường. Trừ một số doanh nghiệp vừa và lớn có công nghệ sản xuất khá hiện đại như

Công ty Ladoda, Nhựa Tú Phương, May Nam Sơn, hầu hết các cơ sở khác có công nghệ lạc hậu, sản xuất thủ công, bán cơ khí, khả năng cạnh tranh trên thị trường thấp.

Theo khảo sát, trong 167 cơ sở sản xuất của KTTN trên địa bàn, có đến 87/167 cơ sở có công nghệ ở mức trung bình (52%), 26/167 cơ sở sản xuất thủ công là chính (15,5%) và chỉ có 19/167 cơ sở có công nghệ tiên tiến hiện đại (11,4%). Như vậy, đa phần KTTN trên địa bàn

Gia Lâm hiện nay vẫn chủ yếu sản xuất với công nghệ ở mức trung bình thấp, thủ công nên hàng hóa sản xuất ra rất khó khăn cạnh tranh được trên thị trường, nhất là các mặt hàng gốm sứ, may mặc, nhựa, cơ khí,... Một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế là mối liên hệ giữa các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, các trường đại học còn lỏng lẻo.

### 3.2.3 *Khó tiếp cận thị trường*

Kết quả khảo sát 167 cơ sở KTTN trong lĩnh vực CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm cho thấy, có đến 43% cho rằng khó khăn lớn nhất là tiếp cận thị trường, tiếp đến là vay vốn ngân hàng (32%), thứ ba là đất đai (17%), thứ tư là khoa học kỹ thuật (8%). Gia Lâm chủ yếu phát triển CN và TTCN tập trung ở các làng nghề nên sản phẩm sản xuất ra vẫn mang tính truyền thống, chưa chú trọng những sản phẩm mà thị trường cần, dẫn tới rất khó cạnh tranh với các sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc.

### 3.2.4 *Chưa quan tâm, chú trọng đến bảo vệ môi trường*

KTTN trong CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm đã đem lại nhiều sự thay đổi về kinh tế - xã hội cho Gia Lâm. Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm môi trường lại nảy sinh trong quá trình phát triển. Ô nhiễm môi trường đã để lại hậu quả nghiêm trọng, do các cơ sở chưa chú trọng, chính sách pháp luật chưa đủ mức răn đe, đặc biệt ý thức bảo vệ môi trường của các chủ cơ sở còn thấp,... Những điều này đã làm cho môi trường trên địa bàn huyện bị ô nhiễm nghiêm trọng như ô nhiễm nước, không khí, đất... mà chưa có giải pháp giải quyết triệt để.

Theo khảo sát, có tới 63,5% các cơ sở không quan tâm hoặc chưa có bất kỳ một biện pháp nào để bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chỉ có 36,5% các chủ cơ sở quan tâm tới bảo vệ môi trường, nhưng sự

đầu tư kỹ thuật công nghệ rất đơn giản dẫn đến vấn đề ô nhiễm chưa được xử lý.

Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, cuộc sống và kinh tế của người dân, điển hình là Làng nghề Bát Tràng, diêm gỗ Đình Xuyên, chế biến hành tỏi Thuận Quang, Thuận Tiến,... Ô nhiễm môi trường gây ra các bệnh về tiêu hóa và hô hấp, ngoài da, tai, mũi, họng, thần kinh thậm chí là ung thư. Do hầu hết các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, nằm trong khu dân cư, mặt bằng chật hẹp nên khó đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải dẫn tới chất thải được đổ trực tiếp ra môi trường.

### 3.3. *Nguyên nhân của những hạn chế*

*Thứ nhất*, các chủ thể làm KTTN trong CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm nói chung chưa thực sự quan tâm đến hội nhập quốc tế, chưa nắm bắt kịp thời xu hướng hội nhập. Thậm chí, không ít doanh nghiệp chỉ vì cái lợi trước mắt mà tiếp tay cho hàng lậu lưu thông qua thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chưa triển khai ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, vẫn chỉ làm theo phong trào, cảm tính mà chưa có một chiến lược để phát triển dài hạn.

*Thứ hai*, do CN và TTCN trên địa bàn chủ yếu tập trung vào các HCT với quy mô nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu là gia công giản đơn, trình độ khoa học và công nghệ thấp. Do vậy, sản phẩm làm ra chất lượng thấp, không đồng đều dẫn tới không tiêu thụ được nhiều. Đây là cản trở rất lớn đối với CN và TTCN Gia Lâm thời gian qua. Ngoài ra, KTTN huyện nói chung và KTTN trong CN và TTCN phát triển chưa có hiệp hội, do vậy thiếu đoàn kết trong sản xuất và tiêu thụ dẫn đến cạnh tranh về giá không lành mạnh làm cho giá trị mang lại thấp, không đưa được hàng hóa vươn ra thị trường thế giới.

*Thứ ba*, do chế độ ưu đãi đối với người lao động chưa tốt, vì vậy họ chưa yên tâm làm việc lâu dài (việc làm không ổn định, thu nhập thấp, công việc nặng nhọc, không có bảo hiểm,...). Vì vậy doanh nghiệp không giữ chân được người lao động có tay nghề và trình độ cao, dẫn tới không vươn lên được do chất lượng hàng hóa thấp dẫn đến không mở rộng được thị trường.

*Thứ tư*, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh và công ty tư nhân trong CN và TTCN Gia Lâm chưa có mô hình quản trị phù hợp do nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Số cán bộ có trình độ kỹ sư và đại học rất ít, chủ yếu là trung học, cao đẳng và phổ thông. Trình độ quản trị và tay nghề thấp cộng với trang thiết bị lạc hậu đã khiến năng suất lao động, sức cạnh tranh doanh nghiệp thấp.

*Thứ năm*, sự tuyên truyền của các cơ quan quản lý chưa mạnh mẽ dẫn tới các doanh nghiệp không ý thức được vấn đề môi trường. Ngoài ra, chi phí xử lý chất thải còn lớn cho nên các cơ sở CN và TTCN không muốn đầu tư vào xử lý chất thải để bảo vệ môi trường.

#### **4. Giải pháp thúc đẩy kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Gia Lâm phát triển trong thời gian tới**

##### **4.1. Đối với các chủ thể làm kinh tế tư nhân**

*Thứ nhất*, các cơ sở CN và TTCN cần chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách đào tạo, sử dụng và trọng dụng người giỏi, xây dựng quỹ đào tạo cho người lao động của mình để có chiến lược phát triển lâu dài; chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, tích cực hơn nữa trong công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ sở dạy nghề để thực hiện đào tạo nghề cho người lao động.

*Thứ hai*, các cơ sở CN và TTCN cần tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo hướng hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất; ưu tiên đầu tư vốn cho phát triển đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

*Thứ ba*, các cơ sở CN và TTCN trên địa bàn cần chủ động xây dựng thương hiệu sản phẩm và thương hiệu xã hội của mình để mở rộng thị trường; ngoài ra, cần thành lập hiệp hội KTTN Gia Lâm để hỗ trợ nhau trong sản xuất và kinh doanh, từng bước đưa thương hiệu địa phương phát triển hơn nữa.

*Thứ tư*, bên cạnh việc áp dụng chế độ lương, đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định của Nhà nước, các cơ sở CN và TTCN của huyện cần phân đầu tạo một nguồn thu nhập qua chế độ tiền thưởng, tiền bồi dưỡng ăn trưa cho người lao động nhằm cải thiện và từng bước nâng cao đời sống của người lao động trong điều kiện chi phí sinh hoạt ở thành phố đắt đỏ hơn so với các tỉnh khác, có như vậy mới khuyến khích được người lao động tích cực tham gia lao động trong các ngành CN và TTCN trên địa bàn.

##### **4.2. Đối với cơ quan quản lý huyện Gia Lâm**

*Thứ nhất*, thời gian tới huyện Gia Lâm cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển CN và TTCN ở các nhóm ngành nghề truyền thống, có thế mạnh, có uy tín và thương hiệu trên thị trường như gốm sứ, may mặc, da giày, cơ khí,...; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền và xử lý những cơ sở vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

*Thứ hai*, UBND huyện cần huy động các nguồn vốn, cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển làng nghề trên địa bàn

theo kế hoạch hàng năm; tăng cường vốn mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm để tạo điều kiện cho các hộ vay vốn từng bước mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

*Thứ ba*, huyện Gia Lâm cần hỗ trợ kinh phí đào tạo nhiều hơn nữa cho người lao động, đặc biệt là liên kết đặt hàng với các trung tâm dạy nghề, các trường nghề để đào tạo cho người lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

*Thứ tư*, huyện Gia Lâm cần đẩy mạnh xây dựng hệ thống quản lý quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký chất lượng, nhãn mác, in mã số, mã vạch sản phẩm; tuyên truyền nâng cao nhận thức, hỗ trợ đào tạo về khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ, ưu tiên các cơ sở có sản phẩm chiến lược, có tiềm năng xuất khẩu của huyện; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển

tài sản trí tuệ cho cơ sở, hướng đến cung cấp cho Thủ đô những thương hiệu chất lượng cao.

### **Kết luận**

Qua một thời gian phát triển, KTTN trong lĩnh vực CN và TTCN trên địa bàn huyện Gia Lâm đã tăng nhanh về số lượng, quy mô, trình độ khoa học, công nghệ. Tuy nhiên sản phẩm sản xuất ra có hàm lượng giá trị chưa cao, mẫu mã chưa đẹp, giá cả cao,... dẫn tới khó cạnh tranh trên thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Chính vì vậy, trong thời gian tới UBND huyện Gia Lâm cùng các cơ quan liên quan cần phối hợp chặt chẽ với các xã, thị trấn, các khu công nghiệp, các làng nghề,... tư vấn và hỗ trợ các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp nắm vững cơ chế pháp luật. Đặc biệt cần có chính sách tích cực hỗ trợ vốn, khoa học công nghệ, đào tạo nghề và mở rộng thị trường cho CN và TTCN tư nhân Gia Lâm phát triển hơn nữa.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Gia Lâm (2015). *Lịch sử Đảng bộ huyện Gia Lâm (1930-2015)*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Chi cục Thống kê huyện Gia Lâm (2010-2016). *Niên giám thống kê (2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016)*. Lưu trữ văn phòng UBND huyện Gia Lâm.
3. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh (2018). *Phát triển kinh tế tư nhân trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Lâm - Hà Nội giai đoạn 2010-2016*. Đề tài nghiên cứu khoa học.
4. Horat, E., (2014). *Tư nhân hóa và tính năng động của thị trường mang tính chất giới ở Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội*.
5. Nguyễn Minh Phong (2004). *Phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Tri Dĩnh (2010). *Kinh tế hàng hóa của Thăng Long - Hà Nội đặc trưng và kinh nghiệm phát triển*. Nxb Hà Nội.

---

### **Thông tin tác giả:**

#### **1. Nguyễn Mạnh Tường, TS**

- Đơn vị công tác: Trường đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh  
- Địa chỉ email: nguyentuong241076@gmail.com

#### **2. Đỗ Huy Cảnh, Th.S**

- Đơn vị công tác: Trường đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

Ngày nhận bài: 16/1/2019

Ngày nhận bản sửa: 26/1/2019

Ngày duyệt đăng: 21/2/2019